TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/DS-ST
Ngày: 30/01/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản - Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

2. Ông Nguyễn Văn Thư

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Không.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị X - sinh năm 1982

Số CCCD: 038182xxxxxxx

Địa chỉ: xóm Đ, xã B, tỉnh T.

- Bị đơn: 1. Bà Vũ Thị Thuý A - sinh năm 1985

Số CCCD: 038185xxxxxx

Địa chỉ: khu 3, xã V, tỉnh T.

2. Ông Nguyễn Thành T – sinh năm 1984

Địa chỉ: khu phố N, xã V, tỉnh T.

Tại phiên toà có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn là bà Lê Thị X trình bày:

Ngày 28/5/2022, bà X có cho ông Nguyễn Thành T và bà Vũ Thị Thuý A vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), ông T và bà A đã thống nhất là chuyển tiền

vào tài khoản của bà A, nên bà X đã chuyển khoản vào tài khoản của bà A cụ thể là ngân hàng MB số tài khoản là 0843231999 làm 02 lần (một lần 300.000.000 đồng và một lần 100.000.000 đồng đều trong ngày 28/5/2022) khi vay ông T và bà A đã viết giấy vay nợ với bà X. Trong giấy vay tiền hai bên không ghi lãi suất nhưng có thoả thuận bằng lời nói với nhau là lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày. Khi vay, ông T và bà A hẹn đến ngày 28/6/2022 sẽ trả đầy đủ cả gốc và lãi cho bà X. Nhưng đến hẹn không thấy bà A, ông T trả nợ nên bà X đòi thì bà A chuyển khoản cho bà X 12.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó không trả nữa. Bà X đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà A và ông T đều khất lần cố tình không trả nợ cho bà X. Nay bà X yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa buộc bà Vũ Thị Thuý A và ông Nguyễn Thành T phải trả cho bà toàn bộ số tiền gốc đã vay chưa trả là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Nay bà X không yêu cầu bà A, ông T phải trả tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 28/10/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn là bà Vũ Thị Thuý A trình bày:

Ngày 28/5/2022, bà A có vay của bà Lê Thị X số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất hai bên tự thoả thuận. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đến nay bà A vẫn chưa trả được nợ cho bà X, cho dù bà X đòi nợ nhiều lần. Hiện nay, bà A đang đi làm thuê thu nhập 4.000.000 đồng/tháng, là mẹ đơn thân đang phải nuôi hai con nhỏ ăn học nên không thể trả luôn hết nợ cho bà X được. Nay bà xác định, bà còn nợ bà X 400.000.000 đồng tiền gốc, bà đề nghị được trả dần cho bà X, mỗi tháng 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Về tiền lãi, bà mới trả cho bà X được ít tiền lãi nhưng vì hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nên bà không thể tiếp tục trả lãi cho bà X được nữa, bà xin bà X số tiền lãi phát sinh.

Tại giấy vay tiền ngày 28/5/2022, có ông Nguyễn Thành T ký vào giấy vay tiền, nhưng ông T ký với tư cách người làm chứng chứ không phải vay tiền. Ông T là chủ quán, bà A là người làm thuê, qua ông T nên bà A và bà X mới quen biết nhau và bà X mới cho bà A vay tiền. Số tiền vay 400.000.000 đồng bà X cũng chuyển vào tài khoản của bà A, nhưng bà X vẫn buộc bà A phải viết giấy vay tiền và ông T đã ký vào với tư cách người làm chứng. Ông T không có liên quan đến số tiền vay này, bà A sử dụng số tiền vay này vào việc của gia đình bà A. Nay, bà A khẳng định số tiền 400.000.000 đồng là khoản vay riêng của bà A, không liên quan đến ông T, nên bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà X.

Tại bản tự khai ngày 17/12/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn là ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông T và bà X là chỗ làm ăn quen biết với nhau, bà A là người làm thuê cho ông T. Ngày 28/5/2022, bà Vũ Thị Thuý A có nhu cầu vay tiền nên ông đã giới thiệu bà X với bà Thuý A để cho bà Thuý A vay tiền, cùng ngày hôm đó tại quán Cây Sung (xã Vĩnh Lộc) của ông T. Bà X đã cho bà A vay tiền, bà A đã viết giấy vay số tiền 400.000.000 đồng. Ông chỉ làm chứng việc bà X và bà A viết giấy vay tiền với nhau,

còn thực tế hai bên chuyển tiền và nhận tiền như thế nào, số tiền bao nhiêu ông không biết, ông cũng không được sử dụng số tiền đó. Vì thế, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X. Bà A vay tiền của bà X, bà A phải có trách nhiệm trả nợ cho bà X. Ông T đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của bà X đối với ông.

Tại phiên tòa bà Lê Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Vũ Thị Thuý A và ông Nguyễn Thành T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc đã vay là 400.000.000 đồng cho bà. Bà X không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc mà bà A, ông T chưa trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị X khởi kiện yêu cầu bà Thị Thuý A và ông Nguyễn Thành T phải trả số tiền gốc đã vay là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), bà A và ông T cư trú tại xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản – Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà X, bà A và ông T không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại giấy vay tiền đề ngày 28/5/2022, thể hiện bà Vũ Thị Thuý A có vay của bà Lê Thị X số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Thời hạn vay đến ngày 28/6/2022, bà A phải trả đủ số tiền trên. Ngoài ra bà X còn xuất trình thêm bản sao kê ngân hàng, ngày 28/5/2022, bà X đã chuyển khoản đến tài khoản 0843231999 của bà A tại ngân hàng MB số tiền là 400.000.000 đồng. Bà A cũng công nhận ngày 28/5/2022, bà vay của bà X số tiền trên là đúng thực tế, giấy vay nợ do bà viết và ký tên. Nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên bà chưa trả được nợ cho bà X. Trong giấy vay nợ, ngoài chữ ký của bà A, còn có chữ ký của ông Nguyễn Thành T ngay phía bên dưới chữ ký của bà A. Ông T cũng công nhận đó là chữ ký của mình, nhưng ông T cho rằng ông ký với tư cách là người làm chứng chứ ông không vay tiền của bà X. Bà A cũng cho rằng đó là khoản vay của riêng bà, không liên quan đến ông T, ông T chỉ là người làm chứng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy vay tiền đề ngày 28/5/2022, bà A là người viết giấy, nội dung bà A viết "tên tôi là", "tôi có vay", "tôi trả đủ", "tôi xin chịu hoàn

toàn trách nhiệm", trong giấy vay tiền có đầy đủ thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ, số căn cước công dân của bà A. Đối với ông T ngoài chữ ký và tên "Nguyễn Thành T" không còn bất cứ thông tin gì. Số tiền 400.000.000 đồng cũng được chuyển vào tài khoản của bà A, bà A cũng là người chuyển khoản tiền lãi cho bà X. Bà A, ông T đều khẳng định số vay nợ này là của riêng bà A, ông T chỉ là người làm chứng. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà X về việc buộc ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà A trả nợ cho bà X số tiền nợ gốc đã vay. Như vậy, bà A đã vi phạm nghĩa vụ thA toán như đã cam kết. Việc bà X yêu cầu bà A phải trả cho bà X số tiền nợ gốc đã vay là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà Vũ Thị Thuý A phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Lê Thị X số tiền nợ gốc đã vay là phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về lãi xuất: Trong giấy vay nợ không thoả thuận lãi suất nhưng hai bên đều công nhận khoản vay này có lãi. Quá trình giải quyết vụ án bà A xin ngoài số tiền lãi bà đã trả cho bà X thì bà không phải trả lãi phát sinh thêm nữa, tại phiên toà bà X không yêu cầu tính lãi. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà X được chấp nhận nên bà Vũ Thị Thuý A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Ông Nguyễn Thành T không phải trả nợ nên không phải chịu tiền án phí DSST. Trả lại cho bà X số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 147; Điều 220; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463; Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X.

2. Buộc bà Vũ Thị Thuý A phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị X số tiền nợ gốc đã vay là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Ông Nguyễn Thành T không phải trả nợ cho bà Lê Thị X.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và bà Lê Thị X có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Vũ Thị Thuý A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Bà Vũ Thị Thuý A phải chịu 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho bà Lê Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai số 0001338 ngày 10/10/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND khu vực 7;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Giang